

Bản án số: **54/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28-29/12/2021  
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **bà Phan Thanh Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **bà Hoàng Thị Thiệu**  
**bà Phạm Thị Bích Hợp**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **bà Đinh Thị Thủy - Cán bộ TAND quận T - Thành phố Hà Nội.**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:*  
**bà: Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.**

Trong các ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2021/QĐST ngày 14/12/2021, giữa:

- **Nguyên đơn: Anh Hà Ngọc A** - sinh năm: 1980 (*có mặt*)  
HKTT: số X, phố T, phường T, quận K, Hà Nội.  
Chỗ ở: X, đường N, phường Đ, quận M, Hà Nội.  
Đại diện theo ủy quyền về tài sản: bà Phan Thị Hương T – sinh năm: 1959;  
Trú tại: số X phố D, phường Đ, quận L, Hà Nội. (theo giấy ủy quyền ngày 17/6/2020) (*có mặt*)

- **Bị đơn: Chị Đặng Thu T** - sinh năm: 1983 (*có mặt*)  
HKTT: số X, phố T, phường T, quận K, Hà Nội.  
Chỗ ở: số X, đường K, phường T, quận T, Hà Nội.  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: ông Hoàng Tám P - Luật sư, thuộc Công ty Luật X – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (*có mặt*)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**  
+ **Công ty TNHH X**  
Trụ sở: số X, phố T, phường T, quận K, Hà Nội.  
Đại diện theo pháp luật: ông Hà Ngọc A - Chức vụ: Giám đốc (*có mặt*)  
Đại diện theo ủy quyền: + bà Đinh Thùy D – sinh năm: 1992  
Trú tại: xã D, huyện G, tỉnh Hải Dương

+ bà Phạm Thị Ngọc A – sinh năm: 1997  
Trú tại: xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương  
(theo văn bản ủy quyền số 01/2021 ngày 10/12/2021)  
+ **Chị Đặng Thị H** - sinh năm: 1985  
HKTT: số X, phường T, quận K, Hà Nội  
Trú tại: X, Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)  
Người làm chứng: bà Trần Tuyết N - sinh năm: 1956  
Trú tại: số X, phường T, quận K, Hà Nội  
(bà N là mẹ đẻ của chị T – do Luật sư của chị T mời) (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn xin ly hôn ngày 25/5/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Hà Ngọc A trình bày:***

**Về tình cảm:** Tôi và chị Đặng Thu T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, Hà Nội ngày 02/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng có đi thuê nhà ở một thời gian, sau đó vợ chồng mua nhà tại số X ngõ Y phố Đ, quận T, Hà Nội, hai vợ chồng sống ở phường Đ được khoảng 4 năm thì chuyển về Căn hộ chung cư số, nhà X, khu đô thị Y, số X, đường K, phường T, quận T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách nuôi dạy con khác nhau nên vợ chồng thường xuyên có những va chạm, những mâu thuẫn nhỏ tích tụ lại dẫn đến việc tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mỗi lần có mâu thuẫn, cô T thường đem con về nhà mẹ đẻ ở, mỗi lần như vậy việc hàn gắn là rất khó. Tháng 08/2015, tôi và vợ thống nhất không còn tình cảm và ly thân không ai liên quan đến ai nữa qua email. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2015 đến nay. Đến nay tôi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với cô T.

**Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung sinh đôi là Hà Nhã A và Hà Kiều A cùng sinh ngày 24/11/2011. Tôi mong Tòa giải quyết cho tôi được nuôi cả 02 cháu. Và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** có 3 khối bất động sản gồm: + Nhà đất diện tích 43,5m<sup>2</sup> tại số X ngõ Y phố Đ, quận T, Hà Nội. Tài sản này xin chia đôi cho 2 vợ chồng; + Căn hộ chung cư X, nhà Y, khu đô thị Z, số X, đường K, phường T, quận T, Hà Nội. Tôi xin được hưởng 2/3 giá trị của căn nhà này vì có phần đóng góp nhiều hơn; + 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu A, quận M, Hà Nội (là đất nông nghiệp), đề nghị Tòa án tách ra làm vụ kiện dân sự khác, chúng tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với tài sản là động sản: chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung:** vợ chồng không có vay nợ chung.

***Tại bản tự khai ngày 24/6/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Đặng Thu T trình bày:***

- **Về tình cảm:** tôi đồng ý với ý kiến của Anh Ngọc A về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có đi thuê nhà ở một thời gian, sau đó vợ chồng mua nhà tại số 28 ngõ 524 Bạch Đằng, Quận T, Hà Nội, hai vợ chồng sống ở Bạch Đằng được khoảng 04 năm thì chuyển về Căn hộ chung cư số P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội sống từ đó đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi đã đánh vợ và có quan hệ với phụ nữ bên ngoài nhiều lần và bị phát hiện, và hiện giờ Anh Ngọc A đã có con riêng. Tôi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nay Anh Ngọc A xin ly hôn, tôi đồng ý.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung sinh đôi là Hà Nhã Anh và Hà Kiều Anh sinh ngày 24/11/2011. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu Anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng có những tài sản chung gồm: + 01 nhà đất diện tích 43,5 m<sup>2</sup> tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội, mua năm 2009 (đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên 02 vợ chồng); + 01 Căn hộ chung cư tại P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội (mang tên 02 vợ chồng); + 01 Căn hộ tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, mua năm 2015 (mang tên Công ty TNHH A); + 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-99090 mua khoảng năm 2013, đăng ký đứng tên công ty TNHH A. Công ty Nhật Việt là công ty do anh Hà Ngọc A là đại diện theo pháp luật, cty được thành lập trong thời kỳ hôn nhân giữa tôi và Anh Ngọc A, khi thành lập cũng như sau này đi vào hoạt động, tôi đều tham gia với tư cách là thành viên giúp Anh Ngọc A về sổ sách, giấy tờ. Tôi đề nghị tòa án chia tài sản mang tên cty Nhật Việt theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản văn phòng, lợi nhuận cty, giá trị thương hiệu của cty Nhật Việt, tôi sẽ thỏa thuận với nguyên đơn hoặc sẽ đề nghị trong một vụ án khác.

Ngoài ra vợ chồng tôi còn mua chung với chị Đặng Thị Hồng 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp), hiện nay giấy CNQSD đất đã hết hạn, hơn nữa hiện nay chúng tôi cũng không biết đất ở vị trí nào, không biết người bán là ai, đang ở đâu (mua bán viết tay, qua 03 lần). Nên đề nghị Tòa án tách ra làm vụ kiện dân sự khác, chúng tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với những tài sản là động sản: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không có công nợ chung.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cty TNHH A, do anh Hà Ngọc A đại diện theo pháp luật trình bày:** Công ty Nhật Việt là công ty do tôi Hà Ngọc A là đại diện theo pháp luật, cty được thành lập trong thời kỳ hôn nhân giữa tôi và chị T, khi thành lập cũng như sau này đi vào hoạt động, chỉ có tôi điều hành, chị T có giúp tôi những công việc như giấy tờ, sổ sách và có tham gia ký một số chứng từ.

Toàn bộ các tài sản mà chị T kê khai như: + 01 Căn hộ tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, mua năm 2015 (mang tên Công ty TNHH A); + 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-990.90 mua khoảng năm 2013, đăng kí đứng tên công ty TNHH A, tôi khẳng định đây là tài sản của cty chứ không phải tài sản chung vợ chồng, tôi không đồng ý chia. Trong trường hợp chúng tôi không thỏa thuận được, tôi đề nghị tòa căn cứ pháp luật giải quyết. Để tạo dựng lên cty Nhật Việt, tôi phải vay mượn ngân hàng (ngân hàng tôi đã trả hết nợ), và của em trai tôi để mua tài sản cty, đến nay cũng chưa trả hết, nhưng tôi không yêu cầu giải quyết việc vay nợ giữa tôi và em trai tôi trong vụ án này, trong trường hợp sau này có tranh chấp chúng tôi sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị Hồng trình bày:**  
Tôi là em dâu của Anh Ngọc A. Năm 2010, tôi và chị Đặng Thu T có mua chung 01 mảnh đất tại: khu Cánh Trại Bằng A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội với giá là 01 tỷ đồng, trong đó tôi đóng góp 500 triệu đồng, mảnh đất này chúng tôi mua lại của bà Phan Thị Bích Mai, là loại đất nông nghiệp, khi mua bán chỉ có giấy tờ viết tay với nhau. Nay tôi mong muốn chị T mua lại phần đất của tôi, tôi bán lại với giá 150 triệu đồng, trong trường hợp chị T không mua, tôi xin mua lại phần của chị T và Anh Ngọc A với giá 150 triệu đồng. Do đây là đất nông nghiệp, không được phép mua bán, nên khi chuyển nhượng chúng tôi chỉ có giấy viết tay, không qua công chứng, chúng tôi cũng mua qua 02 lần viết tay nên cũng không rõ chủ đất hiện nay ở đâu và mảnh đất này đang ở vị trí nào, do vậy không cung cấp cho tòa án địa chỉ người bán và vị trí đất. Trường hợp chúng tôi không thỏa thuận được với nhau, chúng tôi sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ tài liệu, giấy tờ chứng minh. Do công việc bận, nên tôi xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

**Tại phiên tòa:**

- Anh Ngọc A trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn tôn trọng nhau, chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô T.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung (sinh đôi) là Hà Nhã Anh và Hà Kiều Anh sinh ngày 24/11/2011. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi đề nghị HĐXX để người đại diện theo ủy quyền về tài sản cho tôi trình bày.

Đại diện theo ủy quyền về tài sản của Anh Ngọc A trình bày: Xác định vợ chồng anh chị có 03 khối tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà đất diện tích 43,5 m<sup>2</sup> tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội, mua năm 2009; + 01 Căn hộ chung cư tại P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội; Ngoài ra vợ chồng còn mua chung với chị Đặng Thị Hồng 01 mảnh đất có

diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp) trị giá khoảng 01 tỷ đồng. Nay Anh Ngọc A mong muốn được chia hưởng như sau: Đối với nhà ở (Bạch Đằng) xác định là tài sản chung vợ chồng nên chia đôi, Anh Ngọc A xin được sử dụng nhà và thanh toán cho chị T ½ giá trị; Đối với (nhà T10) để chị T được sử dụng, nhưng đề nghị xem xét phần công sức đóng góp của Anh Ngọc A là 2/3 giá trị căn hộ; Đối với mảnh đất vợ chồng mua chung với chị Hồng ở Cánh Trại Bằng A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, Anh Ngọc A muốn xin chia hưởng bằng tiền.

Đại diện theo ủy quyền của cty TNHH A trình bày: Không đồng ý đối với yêu cầu của chị T về việc chia tài sản là: 01 căn hộ chung cư tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, mua năm 2015 (mang tên Công ty TNHH A); + 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-990.90 mua khoảng năm 2013, đăng kí đứng tên công ty TNHH A. Nguồn tiền để hình thành nên cty là do Anh Ngọc A vay mượn của ngân hàng và em trai, đến nay vẫn chưa trả hết, chị T không đóng góp công sức gì. Trong trường hợp tòa án xác định là tài sản chung vợ chồng, thì Anh Ngọc A đồng ý chia đôi giá trị chiếc xe ô tô cho chị T, nếu chia căn hộ đứng tên cty thì chị T phải chịu chung các khoản nợ của cty và các nghĩa vụ khác.

Anh Ngọc A nhất trí với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền về tài sản và đại diện theo ủy quyền của cty TNHH A. Anh cũng nhất trí để chị T lấy lại mảnh đất mua chung với chị Hồng ở Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội. Đồng ý nhận số tiền thanh toán 75 triệu đồng giá trị mảnh đất này.

\* Chị T trình bày: Anh Ngọc A đã có con riêng với người phụ nữ khác, nên tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung (sinh đôi) là Hà Nhã Anh và Hà Kiều Anh sinh ngày 24/11/2011. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu Anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng, tôi đề nghị Luật sư của tôi trình bày.

Luật sư: Chúng tôi xác định tài sản chung của Anh Ngọc A và chị T gồm: 01 nhà đất diện tích 43,5 m<sup>2</sup> tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội, mua năm 2009; + 01 Căn hộ chung cư tại P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội; Ngoài ra vợ chồng còn mua chung với chị Đặng Thị Hồng 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp); 01 căn hộ chung cư tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, mua năm 2015 (mang tên Công ty TNHH A); + 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-990.90 mua khoảng năm 2013, đăng kí đứng tên công ty TNHH A. Chị T mong muốn được chia hiện vật gồm: nhà, đất ở (Bạch Đằng) và thanh toán ½ giá trị nhà đất cho Anh Ngọc A; xin đổi nhà ở tại (P2010 Times City) sang (căn Par3); xin được sử dụng xe ô tô và thanh toán chênh lệch cho Anh Ngọc A.

Đối với mảnh đất mua chung với chị Hồng có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp), chị T xin mua lại và thanh toán trả chị Hồng 150 triệu đồng, Anh Ngọc A 75 triệu đồng (theo như đề xuất trước đây đã đưa ra tại những lần hòa giải). Đề nghị tòa không xem xét đối với mảnh đất này.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Chị T nhất trí với ý kiến của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

Người làm chứng, bà Nhung trình bày: Tôi là mẹ đẻ của chị T, tôi xin cung cấp 03 giấy chuyển khoản tiền (khoảng 1,5 tỷ đồng) để trả theo hợp đồng mua căn hộ chung cư mà hiện nay chị T cùng 03 con đang ở (P2010 – T10), số tiền này được chuyển từ tài khoản của tôi, thời điểm đó tôi muốn hỗ trợ cho con, cháu nên không đề nghị anh, chị phải trả. Nay Anh Ngọc A cho rằng khi mua nhà T10 là do anh tạo dựng và có nhiều công sức đóng góp, tôi không đồng ý, số tiền trên tôi cho con, cháu tôi, tôi không yêu cầu tòa xem xét, nhưng đề nghị tính phần công sức đóng góp cho con gái tôi và các cháu.

\* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:** Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Về tình cảm: Anh Ngọc A được ly hôn chị T;
- Về con chung: giao 02 con chung của anh chị cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, Anh Ngọc A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét;
- Về tài sản chung: Xác định nhà đất diện tích 43,5m<sup>2</sup> tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội; 01 Căn hộ chung cư tại P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội; 01 Căn hộ tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, (mang tên Công ty TNHH A); 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-99090, đăng kí đứng tên công ty TNHH A. Công ty Nhật Việt là công ty do anh Hà Ngọc A là đại diện theo pháp luật. Toàn bộ tài sản trên được mua và hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung vợ chồng. Do vậy, đề nghị HĐXX chia đôi, nhưng có tính đến công sức tôn tạo của vợ, chồng để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Ngoài ra chị T và Anh Ngọc A còn mua chung với chị Đặng Thị Hồng 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp), hiện nay giấy CNQSD đất đã hết hạn, hơn nữa cũng không biết đất ở vị trí nào, không biết người bán là ai, đang ở đâu (mua bán viết tay, qua 03 lần). Tại phiên tòa, chị T xin mua lại và đề nghị thanh toán cho chị Hồng 150 triệu đồng, Anh Ngọc A 75 triệu đồng, đối với việc thỏa thuận này về tài

sản, các bên tự thực hiện với nhau, đề nghị HĐXX không ghi nhận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ tài liệu, chứng cứ.

Đối với những tài sản là động sản: Các bên đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Anh Ngọc A phải nộp án phí LHST; Anh Ngọc A và chị T phải nộp án phí có giá ngạch về phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

### **NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1] Về tố tụng:** Quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Ngọc A và chị Đặng Thu T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà ngày 02/10/2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh Ngọc A và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Hiện chị T đang cư trú tại: P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội. (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về việc đưa người tham gia tố tụng:** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Hà Ngọc Minh (là em trai của anh Hà Ngọc A) có cho cty Nhật Việt vay một số tiền là 8,2 tỷ đồng để kinh doanh. Anh Hà Ngọc Minh khẳng định việc cho Anh Ngọc A vay tiền là để hỗ trợ Anh Ngọc A vượt qua khó khăn trong kinh doanh và tạo dựng tài sản của cty. Anh M không yêu cầu tòa án giải quyết khoản nợ này, cũng như đề nghị tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp giữa hai bên xảy ra tranh chấp, anh sẽ yêu cầu trong vụ kiện dân sự khác. Do vậy HĐXX không đưa anh Hà Ngọc Minh vào tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

#### **[3] Về nội dung vụ án:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh chị trình bày thì vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn qua lời trình bày và quan điểm của Anh Ngọc A và chị T cho thấy mâu thuẫn xuất phát từ cả hai phía. Anh Ngọc A cho rằng chị T có quan hệ ngoại tình dẫn đến việc dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng (Anh Ngọc A xuất trình các tài liệu là bản in được từ mail và chat sex từ zalo của chị T với người đàn ông khác); chị T thì khẳng định, mâu thuẫn vợ chồng là do Anh Ngọc A đánh vợ và có quan hệ ngoại tình, có con riêng, chị thấy việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là không thể, nên chị đồng ý ly hôn với Anh Ngọc A. Như vậy, có thể thấy hôn nhân giữa Anh Ngọc A và chị T đã

xảy ra mâu thuẫn từ lâu, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần phân tích để anh chị suy nghĩ, tạo điều kiện để anh chị về đoàn tụ song không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận thuận tình ly hôn của Anh Ngọc A và chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung:** Anh Ngọc A và chị T xác nhận có 02 con chung (sinh đôi) là Hà Nhã Anh và Hà Kiều Anh sinh ngày 24/11/2011. Anh Ngọc A và chị T đều xin được nuôi cả 02 con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy như sau: Do các cháu là con gái và cũng sắp đến tuổi cần mẹ bên cạnh trong những vấn đề về sinh lý phụ nữ, các cháu lại sinh đôi nên việc chia tách 02 cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý. Hơn nữa, trong thời gian chờ giải quyết việc ly hôn (hơn một năm nay), hai cháu cũng được chị T chăm sóc đầy đủ và chu toàn; Anh Ngọc A cũng thừa nhận đã có con riêng, nên việc giao con chung (1 hay cả 2) cho Anh Ngọc A nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ gặp nhiều khó khăn và làm thay đổi nếp sống của các con. Nên HĐXX quyết định giao cả 02 con cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, là phù hợp với quy định Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Chị T không yêu cầu Anh Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX dành quyền yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Ngọc A có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**Về tài sản chung:** Anh Ngọc A khai: vợ chồng có 03 khối bất động sản gồm: Nhà đất diện tích 43,5m<sup>2</sup> tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội. (tài sản này đề nghị chia đôi cho 2 vợ chồng); Căn hộ chung cư P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội. (tài sản này Anh Ngọc A xin được chia hưởng 2/3 giá trị của căn nhà này vì có phần đóng góp nhiều hơn); 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (là đất nông nghiệp), đề nghị Tòa án tách ra làm vụ kiện dân sự khác, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với tài sản là động sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T khai: ngoài những tài sản Anh Ngọc A khai như trên, thì vợ chồng còn có: 01 Căn hộ tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội; 01 xe ô tô Mercedes BKS: 29A-99090, (đều đăng kí đứng tên công ty TNHH A), đây là tài sản chung vợ chồng được tạo dựng và hình thành trong thời gian hôn nhân giữa chị và Anh Ngọc A, nên đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Chị T xin được chia bằng hiện vật và thanh toán tiền chênh lệch cho Anh Ngọc A.

Anh Ngọc A không đồng ý chia tài sản đứng tên cty, khẳng định đây là tài sản của cty chứ không phải là tài sản chung vợ chồng.

Chị T cũng nhất trí việc không đưa tài sản là mảnh đất vợ chồng mua chung với chị Đặng Thị Hồng tại khu Cánh trại Bằng A, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà



Nội (là đất nông nghiệp) vào giải quyết trong vụ án này, trong trường hợp không thỏa thuận được với chị Hồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Hội đồng xét xử thấy:

+ Tài sản 1: Theo biên bản định giá ngày 16/7/2020, giá trị nhà, đất tại số 28, ngõ 524 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận T, Hà Nội, có diện tích 43,5m<sup>2</sup> là: Đất có giá trị 1.522.500.000đ; Nhà có giá trị: 834.727.000đ. Tổng cộng: 2.357.227.000đ (*hai tỷ, ba trăm năm bảy triệu, hai trăm hai bảy nghìn đồng*). Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/3/2010 mang tên ông Trịnh Phan Huân và bà Lê Thị Lập, đã được chuyển nhượng QSD đất cho ông Hà Ngọc A, theo hợp đồng số 2378/2010/HĐMB ngày 22/4/2010 lập tại phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội (chứng thực tại T 4 GCNQSD đất).

+ Tài sản 2: Biên bản định giá ngày 20/7/2020, giá trị căn chung cư tại: P2010, nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận T, Hà Nội, diện tích 106,1m<sup>2</sup>, có giá trị là 3.183.000.000đ (*ba tỷ, một trăm tám ba triệu đồng*). Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/8/2018, mang tên Hà Ngọc A và Đặng Thu T.

+ Tài sản 3: Biên bản định giá ngày 25/8/2020, giá trị căn hộ chung cư tại: P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích: 114,6m<sup>2</sup>, có giá trị là: 3.094.200.000đ (*ba tỷ, không trăm chín tư triệu, hai trăm nghìn đồng*). Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/01/2018, mang tên Cty TNHH A.

+ Tài sản 4: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz BKS: 29A-990.90, đăng ký tên cty TNHH A, mua năm 2013 màu trắng, có SK: RLMHF3GX8D V002448, SM: 27492030076558 giá trị còn lại: 720.000.000đ (*bảy trăm, hai mươi triệu đồng*).

Tổng giá trị toàn bộ tài sản là: **9.354.427.000đ** (*chín tỷ, ba trăm năm tư triệu, bốn trăm hai bảy nghìn đồng*).

Theo tài liệu có trong hồ sơ do các bên đương sự giao nộp thì toàn bộ các tài sản trên đều được hình thành và tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa Anh Ngọc A và chị T. Anh Ngọc A cho rằng, đối với nhà (P2010-T10) anh có công sức đóng góp nhiều hơn (như tìm nhà mua lại, ký hợp đồng, vay tiền ngân hàng) để trả tiền nhà, nên anh được hưởng 2/3 giá trị căn nhà, chị T không đóng góp gì. Tuy nhiên, mẹ đẻ chị T là bà Nhung có suất trình 03 giấy chuyển tiền để mua căn hộ trên, bà không yêu cầu anh, chị phải trả, nhưng bà đề nghị tính vào công sức cho chị T. Ngoài ra Anh Ngọc A cho rằng, tài sản đứng tên công ty là của cty chứ không phải là tài sản chung vợ chồng nên không đồng ý chia, nếu phải chia chỉ đồng ý chia cho chị T ½ giá trị chiếc xe ô tô, còn đối với căn hộ tại (Par3-Times city) anh không đồng ý, nếu chia chị T phải chịu cả phần công nợ của cty. HĐXX thấy: Cty TNHH A được thành lập năm 2009, có vốn điều lệ là 03 tỷ đồng, người đại diện theo pháp luật Hà Ngọc A, đây là cty TNHH một thành viên, nên chỉ có tên một người đại

diện. Sau khi thành lập cty, chị T cùng Anh Ngọc A tham gia điều hành hoạt động của cty để tạo nên lợi nhuận (có tài liệu kèm theo). Anh Ngọc A khai có vay tiền của em trai là Hà Ngọc Minh để mua tài sản cty và kinh doanh. Nhưng theo tài liệu do chi cục thuế Quận T và chi cục thuế K cung cấp báo cáo tài chính của cty TNHH X từ khi thành lập đến nay không thể hiện mục nợ, có. Anh Ngọc A cũng thừa nhận, vợ chồng không có nợ chung. Anh M cho cty V vay tiền, nhưng không yêu cầu giải quyết, vì anh M và Anh Ngọc A là anh em ruột, trong trường hợp có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Anh Ngọc A cũng không có tài liệu gì chứng minh việc thành lập cty và mua tài sản đứng tên cty là tiền cá nhân hay văn bản thỏa thuận là tài sản riêng. Nên HĐXX xác định toàn bộ những tài sản nêu trên là tài sản chung vợ chồng, căn cứ Điều 59 Luật HN&GD, tài sản được chia đôi, cụ thể mỗi người được chia hưởng giá trị tài sản là: 4.677.213.500đ, như sau: (chia bằng hiện vật)

\* Do anh Hà Ngọc A là người đại diện theo pháp luật của cty TNHH A, nên HĐXX giao anh Hà Ngọc A sở hữu, sử dụng: 01 căn hộ chung cư tại X, quận M, Hà Nội, diện tích: 114,6m<sup>2</sup>, có giá trị là: 3.094.200.000đ. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/01/2018, mang tên Cty TNHH A; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz BKS: 29A-990.90, đăng ký tên cty TNHH A, màu trắng, có SK: RLMHF3GX8D V002448, SM: 27492030076558 có giá trị còn lại: 720.000.000đ; 01 nhà, đất tại số X, ngõ Y phường Đ, quận T, Hà Nội, có diện tích 43,5m<sup>2</sup> có giá trị là: 2.357.227.000đ. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/3/2010 mang tên ông Trịnh Phan H và bà Lê Thị L, đã được chuyển nhượng QSD đất cho ông Hà Ngọc A, theo hợp đồng số 2378/2010/HĐMB ngày 22/4/2010 lập tại phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội (chứng thực tại T 4 GCNQSD đất). Tổng giá trị tài sản anh Hà Ngọc A được chia hưởng là: **6.171.427.000đ**.

\* Giao chị Đặng Thu T sở hữu, sử dụng: 01 căn hộ chung cư tại: X, khu đô thị Y, số X, đường K, phường T, quận T, Hà Nội, diện tích 106,1m<sup>2</sup>, có giá trị là **3.183.000.000đ**. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/8/2018, mang tên Hà Ngọc A và Đặng Thu T.

Buộc anh Hà Ngọc A phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia hưởng cho chị Đặng Thu T là: **6.171.427.000đ – 4.677.213.500đ = 1.494.213.500đ**.

Ngoài ra chị T và Anh Ngọc A còn mua chung với chị Đặng Thị H 01 mảnh đất có diện tích 81m<sup>2</sup> tại khu X, quận M, Hà Nội (là đất nông nghiệp), hiện nay giấy CNQSD đất đã hết hạn, hơn nữa cũng không biết đất ở vị trí nào, không biết người bán là ai, địa chỉ ở đâu (mua bán viết tay, qua 03 lần). Anh Ngọc A, chị T và chị H đề nghị Tòa án tách ra làm vụ kiện dân sự khác, anh, chị cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên HĐXX không xem xét.

Đối với những tài sản là động sản: Các bên đều không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

**Về công nợ chung:** không yêu cầu, nên không xét.

Kể từ khi có đơn thi hành án, nếu ng-ời phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thanh toán thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà n-ớc Việt nam quy định tại thời điểm thanh toán đối với khoản tiền ch- a thi hành xong t- ong ứng với thời gian ch- a thi hành.

**Về án phí:** Anh Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và 56.338.606đ án phí có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.500.000đ, nay Anh Ngọc A còn phải nộp tiếp 30.838.606đ; chị T phải chịu 56.338.606đ án phí có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.400.000đ, nay chị T được hoàn lại số tiền nộp tạm ứng còn thừa là 61.394đ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “án phí và lệ phí Tòa án” và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Về kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:**

- **Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.**

- **Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.**

- **Điều 357 Bộ luật dân sự.**

- **Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.**

**Xử:**

1/ Chấp nhận đơn ly hôn của anh Hà Ngọc A đối với chị Đặng Thu T. Anh Hà Ngọc A được ly hôn chị Đặng Thu T.

2/ Về con chung: Xác nhận Anh Ngọc A và chị T có 02 con chung (sinh đôi) là Hà Nhã A và Hà Kiều A sinh ngày 24/11/2011. Giao cả 02 con chung của anh chị cho chị T (là mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Dành quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho chị T khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3/ Về tài sản chung: Xác nhận anh Hà Ngọc A và chị Đặng Thu T có tài sản chung gồm: nhà, đất tại số X, ngõ Y phường Đ, quận T, Hà Nội, có diện tích 43,5m<sup>2</sup>.Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/3/2010 mang tên ông Trịnh Phan H và bà Lê Thị L, đã được chuyển nhượng QSD đất cho ông Hà Ngọc A, theo hợp đồng số 2378/2010/HĐMB ngày 22/4/2010 lập tại phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội (chứng thực tại T 4

GCNQSD đất); 01 căn hộ chung cư tại: nhà X, khu đô thị Y, số Z, đường K, phường T, quận T, Hà Nội, diện tích 106,1m<sup>2</sup>. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/8/2018, mang tên Hà Ngọc A và Đặng Thu T; 01 căn hộ chung cư tại: khu X, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích: 114,6m<sup>2</sup>. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/01/2018, mang tên Cty TNHH A; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz BKS: 29A-990.90, đăng ký tên cty TNHH A, có SK: RLMHF3GX8D V002448, SM: 27492030076558. Tổng giá trị toàn bộ tài sản là: **9.354.427.000đ** (*chín tỷ, ba trăm năm tư triệu, bốn trăm hai bảy nghìn đồng*). Mỗi người được chia hưởng giá trị tài sản là: 4.677.213.500đ. HĐXX chia bằng hiện vật như sau:

\* Do anh Hà Ngọc A là người đại diện theo pháp luật của cty TNHH A, nên HĐXX giao anh Hà Ngọc A sở hữu, sử dụng: 01 căn hộ chung cư tại P3-02-11, Park Hill Times City, quận Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích: 114,6m<sup>2</sup>, có giá trị là: 3.094.200.000đ. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/01/2018, mang tên Cty TNHH A; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz BKS: 29A-990.90, đăng ký tên cty TNHH A, màu trắng, có SK: RLMHF3GX8D V002448, SM: 27492030076558 có giá trị còn lại: 720.000.000đ; 01 nhà, đất tại số X, ngõ Y, phường Đ, quận T, Hà Nội, có diện tích 43,5m<sup>2</sup> có giá trị là: 2.357.227.000đ. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/3/2010 mang tên ông Trịnh Phan H và bà Lê Thị L, đã được chuyển nhượng QSD đất cho ông Hà Ngọc A, theo hợp đồng số 2378/2010/HĐMB ngày 22/4/2010 lập tại phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội (chứng thực tại T 4 GCNQSD đất). Tổng giá trị tài sản anh Hà Ngọc A được chia hưởng là: **6.171.427.000đ**.

\* Giao chị Đặng Thu T sở hữu, sử dụng: 01 căn hộ chung cư tại: X, nhà Y, khu đô thị Vinhomes Times City, số X, đường K, phường T, quận T, Hà Nội, diện tích 106,1m<sup>2</sup>, có giá trị là **3.183.000.000đ**. Đã được cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/8/2018, mang tên Hà Ngọc A và Đặng Thu T.

Buộc anh Hà Ngọc A phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia hưởng cho chị Đặng Thu T là: 6.171.427.000đ – 4.677.213.500đ = **1.494.213.500đ**.

Kể từ khi có đơn thi hành án, nếu ng-ời phải thi hành án không thi hành khoản tiền trả thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà n-ớc Việt nam quy định đối với khoản tiền ch- a thi hành xong t- ong ứng với thời gian ch- a thi hành.

4/ Về công nợ chung: Anh Ngọc A và chị T cùng xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Dành quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác khi Anh Ngọc A, chị T và chị H có đơn yêu cầu.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

5/ Về án phí:

- Anh Hà Ngọc A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Hà Ngọc A đã nộp theo biên lai số AA/2017/03635 ngày 09/6/2020 của chi cục Thi hành án dân sự quận T. Anh Hà Ngọc A còn phải nộp 30.838.606đ án phí có giá ngạch.

- Hoàn trả chị T số tiền 61.394đ án phí có giá ngạch tại biên lai số AA/2017/03886 ngày 24/8/2020 của chi cục Thi hành án dân sự quận T.

6/ Về quyền kháng cáo: Anh Ngọc A, chị T, chị H, cty TNHH A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận T
- Chi cục THADS quận T;
- UBND quận T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

***Phan Thanh Hà***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Các Hội thẩm nhân dân***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

